TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 219/2023/DS-PT Ngày 08-6-2023 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài;

Các thẩm phán: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết;

Ông Nguyễn Trung Dũng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương;

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Ngọc Ấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 tháng 5 và ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 476/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2022, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 145/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 89/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Tấn P, sinh năm 1958; địa chỉ: số B, tổ E, ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hùng S, sinh năm 1960; địa chỉ: số E, khu A, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1988; địa chỉ: số G, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (Hợp đồng uỷ quyền ngày 02/6/2022; có mặt phiên tòa ngày 08/5/2023, vắng mặt phiên tòa ngày 08/6/2023).

- *Người kháng cáo*: nguyên đơn ông Đặng Tấn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Đặng Tấn P trình bày:*

Ngày 25/4/2012, ông Đặng Tấn P cho ông Nguyễn Văn T vay 100 cây vàng SJC, quy ra tiền là 4.500.000.000 đồng, lãi suất 01%/tháng, thời gian trả là khi nào vợ chồng ông P cần lấy lại thì báo trước 3 tháng. Từ khi vay tiền, ông T chưa trả được bất kỳ khoản tiền lãi nào cho ông P. Đến ngày 18/11/2019, ông T ký lại giấy xác nhận nợ với ông P nhưng sau đó ông T chết. Nay ông P khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hùng S là con của ông T phải trả số nợ 4.500.000.000 đồng và lãi suất 01%/tháng tính từ ngày vay tiền là ngày 25/4/2012 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm. Lý do ông P khởi kiện yêu cầu ông S trả nợ là do ông S đang quản lý, sử dụng tài sản là quyền sử dụng đất diện tích hơn 9.000m^2 tại địa chỉ số G, tổ I, khu A, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương do ông T chết để lại, trong đó 5.658m^2 ông S đã được ông T tặng cho, diện tích còn lại 3.850m^2 vẫn còn do ông T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Bị đơn ông Nguyễn Hùng S trình bày:* Ông Nguyễn Văn T có cha tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1913 (đã chết năm 1997), mẹ tên Thái Thị K, sinh năm 1914 (chết năm 1999). Ông Nguyễn Hùng S có cha là ông Nguyễn Văn T (đã chết vào năm 2020) và mẹ là Phạm Thị X (chết năm 2009). Ông T và bà X có 02 người con tên Nguyễn Hùng S (bị đơn) và Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1966, hiện vẫn còn sống. Do anh chị em trong gia đình không hoà thuận nên gia đình ông S và gia đình bà H không qua lại với nhau. Ông S nghe nói bà H đã xuất cảnh sang Mỹ khoảng 6,7 năm trước và không về Việt Nam. Hiện nay ông S không biết bà H đang định cư ở đâu.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý với những lý do: ông S hoàn toàn không biết gì về việc ông T vay tiền của nguyên đơn. Nguyên đơn cung cấp bản chính giấy mượn tài sản ngày 25/4/2012 và giấy xác nhận nợ ngày 18/11/2019 nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh chữ ký và dấu lăn tay trong 02 giấy trên là của ông T. Bị đơn không thừa nhận chữ ký và dấu lăn tay trong 02 giấy trên là của ông T và không yêu cầu giám định chữ ký, dấu lăn tay vì đây là nghĩa vụ của nguyên đơn. Ngoài ra, giữa gia đình ông T và nguyên đơn không có mối quan hệ thân thiết nhưng nguyên đơn lại cho ông T vay số tiền rất lớn (4.500.000.000 đồng) vào thời điểm năm 2012. Trong giấy mượn tài sản ngày 25/4/2012 thể hiện ông T đã ký tên trước mặt 02 người làm chứng nhưng 02 người làm chứng không ký tên. Nguyên đơn cho rằng bị đơn đang quản lý di sản của ông T để lại nên yêu cầu bị đơn phải trả nợ cho ông T, tuy nhiên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bị đơn đang quản lý, sử dụng đã được ông T tặng cho trước khi ông T ký giấy vay tiền với nguyên đơn. Đối với quyền sử dụng đất còn lại bị đơn không quản lý, sử dụng và cũng không được tặng cho.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 145/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Tấn P đối với bị đơn ông Nguyễn Hùng S về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Ngoài ra, bản án còn quyết định án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21 tháng 10 năm 2022, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn P1 kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 100 lượng vàng quy ra thành tiền là 4.500.000.000 đồng theo "Giấy mượn vay tiền" lập ngày 25/4/2012 và "Giấy xác nhận nợ" lập ngày 18/11/2019, 02 giấy này có người làm chứng nhưng không có ký tên, ông T đã chết, nguyên đơn chưa chứng minh được chữ ký trên 02 giấy trên là của ông T. Mặt khác, phần đất của ông S đã được ông T tặng cho trước thời điểm nguyên đơn cho rằng ông T ký giấy nên đó là tài sản của ông S. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông Đặng Tấn P khởi kiện ông Nguyễn Hùng S yêu cầu trả khoản tiền do ông Nguyễn Văn T là cha của ông S vay của ông P là 100 cây vàng SJC tương đương số tiền 4.500.000.000 đồng (bốn tỷ năm trăm triệu đồng) vào năm 2012.

Tài liệu, chứng cứ hợ đồng vay ông Đặng Tấn P cung cấp, gồm:

Tờ "Giấy mượn vay tiền" lập ngày 25/4/2012 được đánh máy, có nội dung chính là ông Nguyễn Văn T có mượn 100 cây vàng quy ra thành tiền là 4.500.000.000 đồng (bốn tỷ năm trăm triệu đồng) của vợ chồng ông Đặng Tấn P với lãi suất 01%/tháng và ông T đã nhận đủ 100 cây vàng. Cuối tờ "Giấy mượn vay tài sản" có chữ ký và đánh máy chữ Nguyễn Văn T.

Tờ "Giấy xác nhận nợ" lập ngày 18/11/2019 được đánh máy, có nội dung chính là xác nhận sự việc ngày 25/4/2012, ông T có mượn 100 cây vàng quy ra thành tiền là 4.500.000.000 đồng (bốn tỷ năm trăm triệu đồng) của vợ chồng ông

Đặng Tấn P. Cuối tờ "Giấy xác nhận nợ" có chữ ký và đánh máy chữ Nguyễn Văn T.

Ông P cho rằng, chữ ký tại tờ "Giấy mượn vay tiền" lập ngày 25/4/2012 và tại tờ "Giấy xác nhận nợ" lập ngày 18/11/2019 là của ông Nguyễn Văn T cha của ông S ký. Nay ông T chết, ông S là người thừa hưởng tài sản của ông T nên có nghĩa vụ trả số tiền ông T vay của vợ chồng ông P.

Ông S cho rằng, chữ ký tại tờ "Giấy mượn vay tiền" lập ngày 25/4/2012 và tại tờ "Giấy xác nhận nợ" lập ngày 18/11/2019 là không phải của ông Nguyễn Văn T cha của ông S ký. Nay ông T chết, ông S chưa phải là người thừa hưởng tài sản của ông T.

Để có căn cứ xác định có đúng chữ ký của ông Nguyễn Văn T ký tại "Giấy mượn vay tiền" lập ngày 25/4/2012 và tại tờ "Giấy xác nhận nợ" lập ngày 18/11/2019 hay không, mới phát sinh nghĩa vụ của người thừa kế tài sản nhưng quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm cả nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu giám định.

Tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã hoãn phiên tòa ngày 09/5/2023 để nguyên đơn ông Nguyễn Tấn P1 thực hiện thủ tục giám định chữ ký tại "Giấy mượn vay tiền" lập ngày 25/4/2012 và tại tờ "Giấy xác nhận nợ" lập ngày 18/11/2019 có phải của ông T hay không nhưng hết thời gian ấn định ông P1 không thực hiện thủ tục giám định.

Tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự như sau: *"Đương sự có yêu cầu Toà án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Toà án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp".*

Tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự như sau: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Toà án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó".*

Trong trường hợp này, nguyên đơn ông P1 phải có nghĩa vụ chứng minh trước, nghĩa là ông P1 phải có chứng cứ chứng minh chữ ký tại "Giấy mượn vay tiền" lập ngày 25/4/2012 và tại tờ "Giấy xác nhận nợ" lập ngày 18/11/2019 là đúng của ông T thì mới có căn cứ xác định nghĩa vụ tài sản do ông T chết để lại theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự.

Đối với nghĩa vụ chứng minh của bị đơn thì khi nguyên đơn đã chứng minh được yêu cầu khởi kiện là có căn cứ thì bị đơn có nghĩa vụ chứng minh để phản bác chứng cứ của nguyên đơn là không có căn cứ.

Trong vụ án này chữ ký tại "Giấy mượn vay tiền" và "Giấy xác nhận nợ" không xác định được do ai ký, đồng thời ông T đã chết, ông S không phải là người ký tên tại "Giấy mượn vay tiền" và "Giấy xác nhận nợ" do ông P1 đang

giữ bản chính nên cần thiết phải giám định để có căn cứ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, nguyên đơn ông P1 không yêu cầu giám định nên yêu cầu khởi kiện của ông P1 chưa có căn cứ.

Ngoài việc không yêu cầu giám định, nguyên đơn ông P1 trình bày hai người làm chứng ghi tại "Giấy mượn vay tiền" và "Giấy xác nhận nợ" nêu trên, trong đó bà Nguyễn Thị B đã chết; còn ông Thái Hoàng L hiện không biết sinh sống tại địa chỉ nào nên không đưa được đến Tòa án để làm chứng.

Ông P1 kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng khi không đưa bà Nguyễn Thị H là con của ông Nguyễn Văn T vào tham gia tố tụng.

Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy, quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm bị đơn ông S trình bày ông T còn có người con tên Nguyễn Thị H nhưng nghe tin trước đây sinh sống tại thành phố L, tỉnh Đồng Nai nhưng đã đi nước ngoài sinh sống từ lâu nhưng không biết địa chỉ. Nguyên đơn ông P1, bị đơn ông S không cung cấp được địa chỉ cư trú của bà H, không cung cấp được số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân của bà H. Do đó, Tòa án không có cơ sở để thực hiện các thủ tục tố tụng đối với bà H. Đồng thời, vụ án này được xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", thì nguyên đơn có nghĩa vụ chứng minh giao dịch vay mượn vàng giữa ông T với ông P1 là có căn cứ, sau đó mới xác định nghĩa vụ của người thừa kế đối với tài sản của người chết để lại. Vì vậy, việc bà H chưa tham gia trong vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" này không vi phạm nghiêm trọng về tố tụng.

Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không có tài liệu chứng cứ gì khác làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông P1.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[4] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu theo. Ông P1 là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn án phí nên được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 48, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Tấn P.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 145/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí phúc thẩm: Ông Đặng Tấn P được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính, Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tài